
CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu quý
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		122.559.893.837	54.772.089.816
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	417.393.931	846.560.470
1. Tiền	111		417.393.931	846.560.470
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.994.304.033	53.625.133.794
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	56.554.362.400	481.912.200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	42.930.850.000	23.030.250.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	22.509.091.633	30.112.971.594
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		102.475.756	163.993.547
1. Hàng tồn kho	141	V.5	102.475.756	163.993.547
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.720.117	136.402.005
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	12.300.000	12.300.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			89.810.312
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	33.420.117	34.291.693
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		266.454.344.166	246.599.284.765

I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.922.199.930	3.922.199.930
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.922.199.930	3.922.199.930
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		3.505.144.236	3.650.084.835
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.505.144.236	3.650.084.835
- Nguyên giá	222		5.335.124.014	5.335.124.014
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.829.979.778)	(1.685.039.179)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	259.027.000.000	239.027.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.800.000.000	9.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.000.000.000	2.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		247.227.000.000	227.227.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		389.014.238.003	301.371.374.581
NGUỒN VỐN				

C - NỢ PHẢI TRẢ	300		69.112.321.304	6.817.639.689
I. Nợ ngắn hạn	310		69.112.321.304	6.817.639.689
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	32.381.200.000	6.381.200.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	68.770.630	
4. Phải trả người lao động	314		75.080.102	111.856.529
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	55.000.000	260.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch nợ công xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		12.295.985	9.608.573
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		36.465.000.000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54.974.587	54.974.587
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		319.901.916.699	294.553.734.892
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	319.901.916.699	294.553.734.892
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			

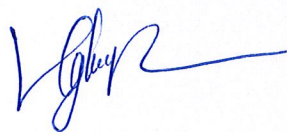
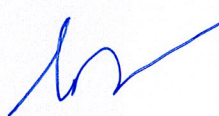
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.863.107.311	2.863.107.311
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		137.038.809.388	111.690.627.581
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		111.690.627.581	105.535.527.716
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.348.181.807	6.155.099.865
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		389.014.238.003	301.371.374.581

Lập, ngày 27 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc


Nguyễn Thị Tuyết

Phạm Thị Minh Thư

Đặng Quang Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020**

Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A KĐT Vĩnh Hoàng,
Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**QUÝ I NĂM 2020**


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2020	Quý I/2019	Lý kế từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Lý kế từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
1	2	3	4	5	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	55.682.628.322	77.414.902	55.682.628.322	77.414.902
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		55.682.628.322	77.414.902	55.682.628.322	77.414.902
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	52.619.330.290	57.812.499	52.619.330.290	57.812.499
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.063.298.032	19.602.403	3.063.298.032	19.602.403
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22.896.477.997	509.560.763	22.896.477.997	509.560.763
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	250.389.454		250.389.454	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5		1.100.000		1.100.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	361.204.768	475.858.489	361.204.768	475.858.489
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		25.348.181.807	52.204.677	25.348.181.807	52.204.677
11. Thu nhập khác	31					

12. Chi phí khác	32	VI.7			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.348.181.807	52.204.677	52.204.677
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		25.348.181.807	52.204.677	52.204.677
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71				

Lập, ngày 27 tháng 04 năm 2020
Tổng giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết



Phạm Thị Minh Thư



Đặng Quang Nam

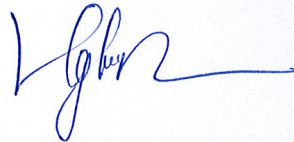
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

QUÝ I NĂM 2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Lũy kế từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.389.670.662	3.376.218.665
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(72.075.300.000)	(120.055.120.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(213.620.983)	(352.356.570)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(465.389.454)	
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			(82.636.093)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		26.500.000.000	323.848.749
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(29.884.722)	(443.762.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(43.894.524.497)	(117.233.807.891)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		27.000.357.958	500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.000.357.958	500.000.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			160.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		62.465.000.000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.000.000.000)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			

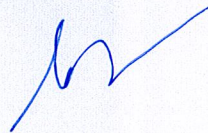
6. Cũ tũc, lĩy nhũn đũ trũ cho chủ sũ hũu	36			
Lũu chũyũn tiũn thuũn từ hoũt đũng tài chũnh	40		36.465.000.000	160.000.000.000
Lũu chũyũn tiũn thuũn trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(429.166.539)	43.266.192.109
Tiũn và tũng đũng tiũn đũu kỳ	60		846.560.470	1.104.571.590
Ảnh hũng của thay đũi tỷ giá hũi đũoi quy đũoi ngoũi tũ	61			
Tiũn và tũng đũng tiũn cũoi kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		417.393.931	44.370.763.699

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Phạm Thị Minh Thư

Lập, ngày 27 tháng 04 năm 2020

Tổng giám đốc



Đặng Quang Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam BẢO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
 - Mua bán vật tư tiêu hao, phim ảnh, hóa chất y tế;
 - Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiểnChi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các Công ty con, công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ	Số 30, Phố Ba Mỏ, Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ	98%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	1/57, Đường 30/4, KV2, Phường Lái Hiếu, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	98%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha Trang	Số 2, đường 653B, Tổ 6, Thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa	40%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền mặt	209.832.621	-	626.732.621	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	207.561.310	-	219.827.849	-
Cộng	417.393.931	-	846.560.470	-

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	56.075.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần tập đoàn quốc tế AIKO	56.075.000.000	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	479.362.400	-	481.912.200	-
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Kiến Thụy	479.362.400	-	481.912.200	-
Cộng	56.554.362.400	-	481.912.200	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước cho các bên liên quan	-	-	13.000.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	-	-	13.000.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	42.930.850.000	-	10.030.250.000	-
Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao	-	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ	42.900.600.000	-	-	-
Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	30.250.000	-	30.250.000	-
Cộng	42.930.850.000	-	23.030.250.000	-

4. Các khoản phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	22.490.019.633	-	30.093.971.594	-
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ- cổ tức lợi nhuận được chia	-	-	4.103.879.961	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha trang- cổ tức lợi nhuận được chia	16.485.974.617	-	16.485.974.617	-
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ- cổ tức lợi nhuận được chia	6.004.117.016	-	9.504.117.016	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	19.000.000	-	19.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	19.000.000	-	19.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vinh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cộng	22.509.091.633	-	30.112.971.594	-

b) Dài hạn

Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói” theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1808/2016/HĐHTKD-SRAPT ngày 15 tháng 11 năm 2016, tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 3.922.199.930 VND tương đương 5% tổng vốn; thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa	102.475.756	-	163.993.547	-
Cộng	102.475.756	-	163.993.547	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	12.300.000	12.300.000
Cộng	12.300.000	12.300.000

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Là giá trị máy móc thiết bị, chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.335.124.014	1.685.039.179	3.650.084.835
Tăng mua trong năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	(144.940.599)	(144.940.599)
Số cuối kỳ	5.335.124.014	1.829.979.778	3.505.144.236

8. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	9.800.000.000	-	9.800.000.000	-
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ (a)	4.900.000.000	-	4.900.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ (c)	4.900.000.000	-	4.900.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha Trang (b)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	227.227.000.000	-	227.227.000.000	-
Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ (d)	204.227.000.000	-	184.227.000.000	-
Công ty Quản lý quỹ Đông Sơn (e)	43.000.000.000	-	43.000.000.000	-
Cộng	259.027.000.000	-	239.027.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(a): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600985779 ngày 21 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 6 năm 2018; tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(b): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Ứng dụng công nghệ cao Y tế Nha Trang theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201756523 ngày 23 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sara Việt nam số 3110/2019/NQHĐQT/SRA ký ngày 31/10/2019 quyết định thoái 290.000 cổ phần của Công ty Cổ phần ứng dụng Công nghệ Cao y tế Nha Trang với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.900.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0111/2019/HĐCNCP ký ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Bà Phan Thị Thủy. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 2.000.000.000 VND tương đương với 40% vốn điều lệ; do đó Công ty Cổ phần Ứng dụng công nghệ cao Y tế Nha Trang từ công ty con trở thành công ty liên kết của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam.

(c): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300290910 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(d) Là khoản đầu tư vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ để đầu tư xây dựng Trung tâm sản Nhi thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng góp vốn số 01/2019/HĐ/BVĐKPT-SRA ngày 23 tháng 9 năm 2019, số tiền góp vốn là 200.000.000.000 VND, thời hạn góp là 36 năm. Công ty được cấp Giấy chứng nhận góp vốn tương ứng với từng lần góp vốn. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2020, Công ty đã góp vốn vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ là 204.277.000.000 VND.

(e) Là khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ Bông Sen thực hiện các hoạt động đầu tư theo Hợp đồng Quản lý đầu tư số 12/19-03 ký ngày 26 tháng 12 năm 2019, số tiền 43.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Quản lý Quỹ Bông Sen đã đầu tư toàn bộ số tiền trên để mua 4.300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư bệnh viện Sara.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp khác	32.381.200.000	6.381.200.000
Công ty TNHH Thiết bị và Dụng cụ Y Khoa 3P	4.268.700.000	6.268.700.000
Công ty chứng khoán ngân hàng Đông Á	59.500.000	59.500.000
Công ty CPTV công nghệ TB và kiểm định XD conico	53.000.000	53.000.000
Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường Cần Thơ	28.000.000.000	
Cộng	32.381.200.000	6.381.200.000

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế giá trị gia tăng.	-	-	61.439.261	-	61.439.261	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	33.420.117	-	-	-	33.420.117
Thuế thu nhập	-	871.576	8.202.945	-	7.331.369	

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
cá nhân						
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng		34.291.693	72.642.206	3.000.000	68.770.630	33.420.117

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế	5%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ xét nghiệm, chiếu, chụp liên kết với các bệnh viện	Không chịu thuế
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phí ủy thác đầu tư		215.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	55.000.000	45.000.000
Cộng	55.000.000	260.000.000

12. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	180.000.000.000	2.863.107.311	39.782.199.975	222.645.307.286
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	71.908.427.606	71.908.427.606
Số dư cuối năm trước	180.000.000.000	2.863.107.311	111.690.627.581	294.553.734.892
Số dư đầu năm nay	180.000.000.000	2.863.107.311	111.690.627.581	294.553.734.892
Tăng vốn bằng tiền (*)		-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	25.348.181.807	25.348.181.807
Số dư cuối kỳ	180.000.000.000	2.863.107.311	137.038.809.388	319.901.916.699

(*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/SRA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018, công ty sẽ phát hành thêm 16.000.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 180.000.000.000 VND. Đến ngày 06/03/2019, Công ty đã phát hành thành công số cổ phiếu trên, vốn điều lệ theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 17 ngày 07/05/2019 là 180.000.000.000 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAMĐịa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Doanh thu bán hàng hóa	55.589.850.060	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	92.778.262	77.414.902
Cộng	<u>55.682.628.322</u>	<u>77.414.902</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	52.561.517.791	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	57.812.499	57.812.499
Cộng	<u>52.619.330.290</u>	<u>57.812.499</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Lãi tiền gửi	357.958	9.560.763
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.896.120.039	500.000.000
Cộng	<u>22.896.477.997</u>	<u>509.560.763</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Chi phí lãi vay	250.389.454	-
Cộng	<u>250.389.454</u>	<u>-</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1.100.000
Cộng	<u>-</u>	<u>1.100.000</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
	361.204.768	475.858.489
Cộng	<u>361.204.768</u>	<u>475.858.489</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vinh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.348.181.807	52.204.677
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(22.896.477.997)	(500.000.000)
<i>Cổ tức được nhận từ công ty con</i>	(22.896.477.997)	(500.000.000)
Thu nhập chịu thuế	2.452.061.768	(447.795.323)
Lỗi các năm trước được chuyển	(2.452.061.768)	
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 03 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Thu

Tổng Giám đốc



Đặng Quang Nam